

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia từ 200 giường bệnh lên 360 giường bệnh tại thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa” (nay là Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn, tại Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia);

Xét hồ sơ kèm theo các Công văn số: 125/CV-BVNS ngày 03/3/2025, số 126/CVMT-BVNS ngày 05/7/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn tại Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1092/TTr-SNNMT ngày 22/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn (địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn tại Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.
- 1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 1292/TH-GPHĐ do Sở Y tế cấp ngày 15/9/2022.
- 1.4. Mã số thuế: 2801069198
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 28.639 m².
 - Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
 - Công suất: 360 giường bệnh.
 - Quy trình công nghệ hoạt động: Bệnh nhân đến khám, chữa bệnh → Hướng dẫn làm thủ tục → Khoa khám bệnh → Bệnh nhân nhập viện (điều trị tại các khoa phòng); bệnh nhân không nhập viện → Làm thủ tục xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 đến ngày 05 tháng 9 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Tĩnh Gia và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Tĩnh Gia;
- Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- **Nguồn số 01:** Nước thải phát sinh từ khu nhà bố trí các khoa Hồi sức cấp cứu, Nội, Nhi (ký hiệu số 2), bao gồm: Nước thải từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh từ các tầng cùng nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại.

- **Nguồn số 02:** Nước thải phát sinh từ khu nhà bố trí khoa truyền nhiễm (ký hiệu số 6), bao gồm: Nước thải từ chậu rửa tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn nhà vệ sinh cùng nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại.

- **Nguồn số 03:** Nước thải phát sinh từ khu nhà bố trí các khoa Ngoại, Sản, Liên chuyên khoa và Khu kỹ thuật (ký hiệu số 4), bao gồm: Nước từ chậu rửa chân tay, vệ sinh thiết bị y tế, phòng phẫu thuật cùng nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại.

- **Nguồn số 04:** Nước thải phát sinh từ khu nhà bố trí Khoa dinh dưỡng, hội trường (ký hiệu số 7), bao gồm: Nước thải từ nấu ăn → Bể tách dầu mỡ và nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại.

- **Nguồn số 05:** Nước thải phát sinh từ khu nhà bố trí các khoa Khám bệnh, Dược, Chuẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Hành chính (ký hiệu số 1); Nước thải phát sinh từ khoa đông y (ký hiệu số 3), bao gồm: Nước thải từ chậu rửa tay, vệ sinh thiết bị y tế, nước thoát sàn và nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 3 ngăn.

- **Nguồn số 06:** Nước thải phát sinh từ khu nhà khoa chống nhiễm khuẩn (ký hiệu số 5), bao gồm: Nước thải từ chậu rửa tay, nước thoát sàn nhà vệ sinh, nước thải giặt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Bệnh viện có 01 dòng nước thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu thoát nước chung của khu vực tại Tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả thải ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực thuộc tổ dân phố Xuân Hòa, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X= 2152780 (m); Y= 582859 (m).

- Điểm xả nước thải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 134 m³/ngày đêm (làm tròn), (5,58 m³/h).

2.4. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K =1,0) và QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

- Kể từ ngày được cấp phép đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		
11	Salmonell1	Vi khuẩn/100ml	KPH		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, áp dụng đối với lưu lượng xả thải $F \leq 2000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤60		
3	COD	mg/l	≤90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤80		
5	Chất HDBM anion	mg/l	≤5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10		
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤40		
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤14		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤30		
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤5000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để

đưa về hệ thống xử lý:

Bệnh viện có 02 tuyến thu gom nước thải từ các nguồn về xử lý, cụ thể:

- **Tuyến số 01:** Bao gồm các nguồn số 1, 2 và số 3 (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 350 m³/ngày đêm.

- **Tuyến số 02:** Bao gồm các nguồn số 4, 5 và số 6 (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 350 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

- Công trình xử lý sơ bộ: 08 bể tự hoại 3 ngăn, có tổng thể tích 325 m³.

- Bể tách dầu mỡ: 01 bể có tổng thể tích 7,5 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 350 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải sau xử lý sơ bộ từ các nguồn → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1,2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.6. Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể thu gom, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục, trong trường hợp hệ thống hết chỗ chứa, bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý, đồng thời nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống

xử lý nước thải hoạt động trở lại, bơm quay vòng nước thải để xử lý đạt mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp nước thải trong các bể bị ứ đọng/tràn do bơm nước thải, công tắc phao bị hỏng hay nghẹt thì phải vận hành bơm dự phòng khi bơm hỏng, vệ sinh bơm/công tắc phao khi bị nghẹt; (3) trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm bùn vi sinh, tăng dưỡng chất, tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố, khi hệ thống hoạt động ổn định trở lại tiến hành xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình xử lý theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Bệnh viện theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Duy trì biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lập sổ ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng nước đầu vào và đầu ra; điện năng tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...).

- Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu nêu tại Giấy phép này.

- Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy bơm, máy nén khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 350 m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ (dB)	Từ 21 - 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng: Được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín; lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; định kỳ bảo dưỡng theo quy định.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm, máy nén khí tại hệ thống xử lý

nước thải tập trung: Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Ngoài ra, Bệnh viện thực hiện một số biện pháp xử lý, giảm thiểu khác, cụ thể:

+ Quy định giờ vào thăm bệnh nhân (Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h - 21h30).

+ Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

+ Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

+ Trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		3.656,8
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.218,8
2	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 07	12
3	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (như: băng gạc, bột bó, vải lanh, quần áo dùng một lần, tã lót không chứa máu)	13 01 05	405
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	2,5
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	3,5
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	10
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc thuộc nhóm không chứa thành phần gây độc tế bào (Cytotoxic và cytostatic).	18 01 03	5,0
II	Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở thuộc cụm		489
1	Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	489
III	Chất thải nguy hại khác		36,5
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy	16 01 06	5,0

	tính hoạt tính thải		
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8,0
3	Các loại dầu mỡ thải (dầu thải từ máy phát điện, dầu mỡ bôi trơn thiết bị máy móc...)	16 01 08	13,0
4	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10,5
Tổng cộng			4.182,3

1.2. Chất thải nguy hại phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	06 05 02	5.000

- Phương thức quản lý: Bệnh viện hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về CTNH, hợp đồng xử lý theo CTNH, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường. Nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng Kg/năm
1	Chất thải rắn không tái chế	Kg	35.500
2	Chất thải rắn tái chế	Kg	380
Tổng			35.880

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác màu vàng đặt trên xe tiêm	Dung tích 5 lít	120 cái
2	Thùng rác màu vàng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	90 cái

3	Thùng rác màu đen đặt tại phòng thủ thuật, tiểu phẫu, phẫu thuật	Dung tích 15 lít	10 cái
4	Thùng Composite màu vàng 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	10 cái
5	Thùng Composite màu đen 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	07 cái
6	Thùng Composite màu vàng 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	10 cái
7	Thùng Composite màu đen 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	10 cái
8	Thùng phi 240L chứa dầu thải	Dung tích 240 lít	02 cái
9	Hộp đựng chất thải sắc nhọn bằng kim loại màu vàng	dung tích 1,5-2lít	140 hộp

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- 01 Khu nhà lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 75 m².

- 01 Nhà đặt thiết bị xử lý IS AC 575, diện tích 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường tôn bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo quy định; trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.3. Chuyển giao và xử lý chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
I	Thùng đựng đặt trên xe tiêm		

1	Thùng 5 lít màu vàng	Dung tích 5 lít	120 cái
II	Thùng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc		
1	Thùng 15 lít màu xanh	Dung tích 15 lít	200 cái
2	Thùng 15 lít màu trắng đặt tại các phòng khám	Dung tích 15 lít	20 cái
3	Thùng 15 lít màu trắng đặt tại các phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	20 cái
III	Thùng đựng đặt tại các hành lang		
1	Thùng Composite màu xanh 120 lít	Dung tích 120 lít	150 cái
2	Thùng Composite màu trắng 120 lít	Dung tích 120 lít	17 cái
IV	Phương tiện thu gom đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ		
1	Thùng lưu trữ chất thải thông thường Composite màu xanh, có bánh xe, có tay kéo 240 lít	Dung tích 240 lít	05 cái
2	Xe thu gom rác bằng sắt 0,5 m ³	Dung tích 0,5 m ³	09 xe
3	Thùng lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt 660L, màu xanh, vật liệu bằng nhựa Composite, có bánh xe, có tay kéo	Dung tích 660 lít	03 cái
4	Thùng Composite màu trắng chứa rác thải có thể tái chế 240 lít	Dung tích 240 lít	25 cái

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải trong nhà

- Nhà tập kết rác thải rắn thông thường không tái chế có diện tích 50 m².
- 01 phòng lưu giữ chất thải rắn có thể tái chế 12 m² (nằm trong khu lưu trữ chất thải nguy hại trên diện tích 75 m²).
- Thiết kế, cấu tạo:
 - + Nhà chứa chất thải rắn thông thường không tái chế được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có cửa sắt và khóa;
 - + Phòng chứa chất thải rắn tái chế: nhà mái bằng được đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch kiên cố.
- Công trình vận chuyển:
 - + 02 cầu thang vận chuyển chất thải.

2.2.3. Kho/khu vực lưu chứa ngoài trời

- Thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày.

2.2.4. Chuyển giao và xử lý chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn thông thường có thể tái chế và không tái chế cho đơn vị có chức năng xử lý.

3. Hoạt động xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trong Cụm

- **Hệ thống, công trình, thiết bị:**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất	Số lượng
1	Nhà để thiết bị xử lý chất thải nguy hại	15 m ²	01 nhà
2	Nhà lưu giữ chất thải nguy hại	75 m ²	01 nhà
3	Thiết bị vi sóng tích hợp cắt nhỏ trong cùng khoang xử lý (IS AC 575)	15-18 kg/h	01 cái
4	Xe ô tô chuyên dụng chở rác thải nguy hại y tế và được phép xử lý cho các bệnh viện thuộc cụm số 6 theo quyết định số Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh.	1,5 tấn	01 xe

- **Loại chất thải nguy hại xử lý:** Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn; Chất thải giải phẫu; địa bàn thu gom theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.

- **Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý chất thải nguy hại**

Công nghệ xử lý chất thải nguy hại bằng thiết bị vi sóng tích hợp (IS AC 575) với quy trình hoạt động như sau: Khoang xử lý → Cắt nhỏ → Tiệt trùng bằng vi sóng → Xả chất thải vào túi đựng → Đưa lên xe đẩy → Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt → Vận chuyển đi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt của bệnh viện.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và theo nội dung Giấy phép môi trường này.

PHỤ LỤC 04

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, y tế thông thường và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút ẩm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Tại các khu nhà vệ sinh: đảm bảo hoạt động tốt các quạt hút đã lắp đặt để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để điều hòa vi khí hậu cho bệnh viện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: Đảm bảo bố trí máy phát điện cách xa

các tòa nhà khám chữa bệnh, sử dụng nhiên liệu sạch đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của bệnh viện. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này./.